

## **THÔNG BÁO**

### **Công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách nhà nước quý IV và 6 tháng cuối năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định thông báo công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý IV và 6 tháng cuối năm 2020.

*(Theo biểu 03 và thuyết minh kèm theo)*

Hình thức công khai: Thực hiện đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định.

Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo các phòng, đơn vị trực thuộc Sở và các tổ chức, cá nhân liên quan được biết./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc Sở;
- Công đoàn Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trịnh Văn Hoàng**

**THUYẾT MINH ĐÁNH GIÁ  
THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
QUÝ IV VÀ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020**

*(Kèm theo Thông báo số: 65/TB-SKH&ĐT ngày 13/01/2021 của  
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định)*

**1. Thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**

*1.1. Thu phí, lệ phí*

Dự toán thu phí, lệ phí giao năm 2020 là 255.200,0 ngàn đồng

Thu phí, lệ phí thực hiện quý IV là 80.815,0 ngàn đồng và 6 tháng cuối năm 2020 là 149.885,0 đồng. Trong đó:

- Thu lệ phí đăng ký kinh doanh và lệ phí đăng ký doanh nghiệp thực hiện quý IV là 13.110,0 ngàn đồng và 6 tháng cuối năm 2020 là 28.480,0 đồng.

- Thu phí thẩm định dự án đầu tư (đơn vị trả nợ) thực hiện quý IV là 18.305,0 ngàn đồng và 6 tháng cuối năm 2020 là 18.305,0 đồng.

- Thu phí cung cấp thông tin doanh nghiệp thực hiện quý IV là 49.400,0 ngàn đồng và 6 tháng cuối năm 2020 là 103.100,0 đồng.

*1.2. Nguồn thu phí được để lại*

- Số thu phí thẩm định dự án đầu tư và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp được để lại theo quy định quý IV là 31.295,0 ngàn đồng và 6 tháng cuối năm 2020 là 47.404,0 đồng.

*1.3. Số thu phí, lệ phí nộp ngân sách và nộp cấp trên*

- Số thu phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước quý IV là 14.941,0 ngàn đồng và 6 tháng cuối năm 2020 là 30.311,0 đồng.

- Số thu phí cung cấp thông tin doanh nghiệp nộp về Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh quý IV là 34.580,0 ngàn đồng và 6 tháng cuối năm 2020 là 72.170,0 đồng.

**2. Chi ngân sách nhà nước**

2.1. Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020 là 10.215.321,0 ngàn đồng (trong đó dự toán chi ngân sách được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đầu năm 2020 là 9.409.000,0 ngàn; giao bổ sung kinh phí 900.000,0 ngàn đồng; giao chỉ tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên 6 tháng cuối năm 2020 là (-190.000,0) ngàn đồng; dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 còn dư chuyển sang là 96.321,0 ngàn đồng)

2.2. Chi ngân sách nhà nước thực hiện quý IV là 3.278.994,0 ngàn đồng và 6 tháng cuối năm 2020 là 5.067.969,0 đồng.

Trong đó:

- Chi quản lý hành chính thực hiện quý IV là 2.500.052,0 ngàn đồng và 6 tháng cuối năm 2020 là 3.996.774,0 đồng.

+ Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ thực hiện quý IV là 1.887.382,0 ngàn đồng và 6 tháng cuối năm 2020 là 3.316.774,0 đồng.

+ Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ thực hiện quý IV là 612.670,0 ngàn đồng và 6 tháng cuối năm 2020 là 680.000,0 đồng.

- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề thực hiện quý IV là 176.983,0 ngàn đồng và 6 tháng cuối năm 2020 là 200.000,0 đồng.

- Chi sự nghiệp kinh tế khác thực hiện quý IV là 601.959,0 ngàn đồng và 6 tháng cuối năm 2020 là 871.195,0 đồng.

Chi ngân sách nhà nước quý IV và 6 tháng năm 2020 chủ yếu tập trung chi lương và các khoản có tính chất lương, đảm bảo hoạt động có tính chất thường xuyên của đơn vị. Ngoài ra thực hiện tốt chi hoạt động phúc lợi, nâng cao đời sống cán bộ, công chức cơ quan; chi thực hiện nhiệm vụ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025; chi xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021; chi đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đột xuất do Tỉnh uỷ và Ủy ban nhân dân tỉnh giao./.

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
QUÝ IV NĂM 2020**

*(Kèm theo Thông báo số:65/TB-SKH&ĐT ngày 13/01/2021  
của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định)*

**Biểu 03**

*Đơn vị tính: Ngàn đồng*

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4 năm 2020	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4 năm nay so cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>255.200</b>	<b>80.815</b>	<b>31,67</b>	<b>133,07</b>
1.1	Lệ phí	55.200	13.110	23,75	86,88
	<i>Lệ phí đăng ký kinh doanh</i>	<i>200</i>	<i>60</i>	<i>30,00</i>	<i>150,00</i>
	<i>Lệ phí đăng ký doanh nghiệp</i>	<i>55.000</i>	<i>13.050</i>	<i>23,73</i>	<i>86,71</i>
1.2	Phí	200.000	67.705	33,85	148,35
	<i>Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng</i>		<i>18.305</i>		
	<i>Phí cung cấp thông tin doanh nghiệp</i>	<i>200.000</i>	<i>49.400</i>	<i>24,70</i>	<i>108,24</i>
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu được để lại</b>				
1	Nguồn thu phí được để lại theo quy định	60.000	31.295	0,52	228,56
	<i>Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng</i>		<i>16.475</i>		
	<i>Phí cung cấp thông tin doanh nghiệp</i>	<i>60.000</i>	<i>14.820</i>	<i>24,70</i>	<i>108,24</i>
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	60.000	167.330	278,88	147,14
1.1	Chi quản lý hành chính	60.000	167.330	278,88	147,14
<i>a</i>	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	<i>60.000</i>	<i>167.330</i>	<i>278,88</i>	<i>147,14</i>
<b>III</b>	<b>Số thu nộp NSNN</b>				
<b>1</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>55.200</b>	<b>14.941</b>	<b>27,07</b>	<b>126,03</b>
1.1	Lệ phí	55.200	13.110	23,75	86,88
	<i>Lệ phí đăng ký kinh doanh</i>	<i>200</i>	<i>420</i>	<i>210,00</i>	<i>1.050,00</i>

	<i>Lệ phí đăng ký doanh nghiệp</i>	55.000	14.950	27,18	99,34
1.2	Phí		1.831	0,00	0,00
	<i>Phí thẩm định dự án đầu tư</i>		1.831	0,00	0,00
<b>IV</b>	<b>Nộp cấp trên</b>	<b>140.000</b>	<b>34.580</b>	<b>24,70</b>	<b>118,78</b>
1	Phí cung cấp thông tin doanh nghiệp	140.000	34.580	24,70	108,24
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>10.215.321</b>	<b>3.278.994</b>	<b>32,10</b>	<b>124,91</b>
1	Chi quản lý hành chính	8.415.321	2.500.052	29,71	103,06
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	7.735.321	1.887.382	24,40	94,55
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	680.000	612.670	90,10	142,61
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	200.000	176.983	88,49	189,57
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	200.000	176.983	88,49	189,57
3	Chi sự nghiệp kinh tế khác	1.600.000	601.959	37,62	133,17
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	1.600.000	601.959	37,62	133,17

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
6 THÁNG CUỐI NĂM 2020**

*(Kèm theo Thông báo số:65/TB-SKH&ĐT ngày 13/01/2021  
của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định)*

**Biểu 03**

*Đơn vị tính: Ngàn đồng*

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2020	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm nay so cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>255.200</b>	<b>149.885</b>	<b>58,73</b>	<b>60,73</b>
1,1	Lệ phí	55.200	28.480	51,59	65,32
	<i>Lệ phí đăng ký kinh doanh</i>	<i>200</i>	<i>480</i>	<i>240,00</i>	<i>480,00</i>
	<i>Lệ phí đăng ký doanh nghiệp</i>	<i>55.000</i>	<i>28.000</i>	<i>50,91</i>	<i>64,37</i>
1,2	Phí	200.000	121.405	60,70	59,74
	<i>Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng</i>		<i>18.305</i>		<i>151,41</i>
	<i>Phí cung cấp thông tin doanh nghiệp</i>	<i>200.000</i>	<i>103.100</i>	<i>51,55</i>	<i>53,95</i>
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu được để lại</b>				
1	Nguồn thu phí được để lại theo quy định	60.000	47.404	0,79	69,49
	<i>Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng</i>		<i>16.474</i>		<i>151,41</i>
	<i>Phí cung cấp thông tin doanh nghiệp</i>	<i>60.000</i>	<i>30.930</i>	<i>51,55</i>	<i>53,95</i>
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	60.000	167.330	278,88	104,88
1.1	Chi quản lý hành chính	60.000	167.330	278,88	104,88
<i>a</i>	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	<i>60.000</i>	<i>167.330</i>	<i>278,88</i>	<i>104,88</i>
<b>III</b>	<b>Số thu nộp NSNN</b>				
<b>1</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>55.200</b>	<b>30.311</b>	<b>54,91</b>	<b>67,64</b>
1.1	Lệ phí	55.200	28.480	51,59	65,32

	<i>Lệ phí đăng ký kinh doanh</i>	200	420	210,00	420,00
	<i>Lệ phí đăng ký doanh nghiệp</i>	55.000	14.950	27,18	34,37
1.2	Phí		1.831	0,00	151,41
	<i>Phí thẩm định dự án đầu tư</i>		1.831	0,00	151,41
<b>IV</b>	<b>Nộp cấp trên</b>	<b>140.000</b>	<b>72.170</b>	<b>51,55</b>	<b>53,95</b>
1	Phí cung cấp thông tin doanh nghiệp	140.000	72.170	51,55	53,95
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>10.215.321</b>	<b>5.067.969</b>	<b>49,61</b>	<b>124,91</b>
1	Chi quản lý hành chính	8.415.321	3.996.774	47,49	81,91
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	7.735.321	3.316.774	42,88	87,76
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	680.000	680.000	100,00	102,35
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	200.000	200.000	100,00	100,00
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	200.000	200.000	100,00	100,00
3	Chi sự nghiệp kinh tế khác	1.600.000	871.195	54,45	113,08
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	1.600.000	871.195	54,45	113,08